

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **407/2024/DSST**
Ngày: 19/9/2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày **19** tháng **9** năm **2024** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 138/TLST-DS ngày 19/4/2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS ngày 21/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2024/QĐST – DS ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị T**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

+ Đại diện ủy quyền: **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp HG, xã MP, thành phố MT, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: NTT, phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- **Đoàn Phương Q**, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Đoàn Phương Th**, sinh năm 1996; (có đơn xin vắng mặt)

- **Lê Thị Lan Ch**, sinh năm 1995; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Phạm Ngọc D là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị T trình bày: Ông Đoàn Phương Q và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng có làm chủ nhiều dây hụi từ nhiều năm nay, bà T có tham gia chơi hụi do ông bà làm chủ với tư cách là hụi viên:*

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 15/10/2022 AL gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Chị Ba Lan (Mợ 7). Dây hụi này bà T đóng được 16 phần hụi sống x 750.000 đồng = 12.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 01/01/2023 AL, gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Di Ba Lan. Dây hụi này bà T đóng 13 phần hụi sống x 750.000 đồng = 9.750.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 25/4/2023 AL, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Chị Ba Lan. Dây hụi này bà T đóng được 09 phần hụi sống x 750.000 đồng = 6.750.000 đồng.

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 25/4/2023 AL, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần, có tên trong danh sách hụi là Chị Ba Lan. Dây hụi này bà T đóng được 09 phần hụi sống x 750.000 đồng = 6.750.000 đồng.

Tổng số tiền các dây hụi bà T đóng là 48.750.000 đồng.

Trong quá trình tham gia chơi hụi, ông Q, bà T làm chủ hụi; anh Đoàn Phương Th gom hụi (nhận tiền hụi cho ông Q bà T), chị Lê Thị Lan Ch (con dâu ông Q, bà T) lập danh sách cho hụi viên và nhận tiền đóng hụi của hụi viên cho ông Q, bà T.

Tháng 01/2024 AL, đến kỳ khai hụi, ông Q bà T ngưng việc chơi hụi, trong đó hụi chưa mãn, lại không trả tiền hụi sống cho bà T.

Tại phiên hoà giải ngày 31/5/2024 và 31/7/2024 đại diện uỷ quyền của bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Q, bà T, anh Th, chị Ch liên đới trả lại cho bà T số tiền hụi sống đã đóng là 35.250.000 đồng, trước đây khi khởi kiện bà T yêu cầu 48.750.000 đồng là do đối Chếu hụi bị cộng nhầm thành số tiền 48.750.000 đồng nên nay bà T chỉ yêu cầu trả 35.250.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 10/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Năm 1988 bà có kết hôn với ông Đoàn Phương Q và theo chồng về ở làm dâu nhà ba mẹ chồng. Bà đã làm dâu nhiều năm nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hụi góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hụi tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân mà không lệ thuộc bên chồng. Giữa năm 2008, bà kêu gọi tham gia hụi và bà là đầu thảo hụi, mỗi tháng mở hụi từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hụi gom hụi, giao hụi đều do các hụi viên thống nhất đồng ý. Công việc làm hụi ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hụi viên không có khả năng đóng hụi, bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hụi viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hụi thay cho các hụi viên đã hót. Nay bà còn thiếu bà Võ Thị T số tiền hụi là 48.750.000 đồng và xin trả mỗi tháng 200.000 đồng đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Đoàn Phương Q trình bày:*

Vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương Tiến và Đoàn Phương Th. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hạn nộp vốn ông hoàn toàn không có tham gia.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch có đơn xin xét xử vắng mặt.*

** Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc D có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T là anh Nguyễn Thanh S, bị đơn ông Q vắng mặt không lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Th và chị Ch có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà T và ông Q cư trú tại ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Th chị Ch có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T là anh S, bị đơn ông Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T và ông Q trả số tiền hui 35.250.000 đồng, không yêu cầu anh Th và chị Ch cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thể hiện bà T có tham gia hui do bà T làm chủ hui, hui có hoa hồng. Tại bản tự khai, bà T thừa nhận là bà có làm chủ hui và bà T có tham gia hui với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà T và bà T có xác lập giao dịch hui với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận và thống nhất số tiền hụi còn nợ bà T là 35.250.000 đồng. Quá trình tham gia hụi, bà T là hụi viên, đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện nay, các dây hụi bà T tham gia đều bị bể hụi, phía bà T không hoàn trả lại số tiền đóng hụi cho bà T là vi phạm trách nhiệm của chủ hộ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 35.250.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Ông Q trình bày ông và bà T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay, ông hoàn toàn không có tham gia việc tổ chức gom hụi của bà T nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T, ông Q cư trú do đại diện bà T cung cấp thể hiện ông Q, bà T hiện vẫn chung sống vợ chồng, sinh hoạt cùng nhà tại địa chỉ ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo. Bà T làm chủ hụi rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hụi và khai hụi, ông Q chồng bà T cùng con trai và con dâu là anh Th, chị Ch có nhiệm vụ giúp bà T gom hụi, nhận tiền hụi, giao hụi và lập danh sách hụi viên. Ngoài việc giúp bà T làm hụi thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Do đó, lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hụi giữa các hụi viên với bà T là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho bà T theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tiền lãi: Bà T không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về thời gian trả: Đại diện ủy quyền của bà T tại biên bản hòa giải trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng. Xét thấy bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và cũng không được phía nguyên đơn đồng ý cho trả dần. Do đó cần buộc bà T và ông Q có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 35.250.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền nợ hộ là 35.250.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q phải chịu 1.762.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Ch cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Mỹ Lil